TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2021/DS - PT
Ngày 21- 12 - 2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sáu

Các thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Dung

2. Lê Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Trang – Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: ông Nguyễn Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Định có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà xét xử số 100/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn A, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1962

Anh Lê Văn C, sinh năm 1980

Chị Trịnh Thị D, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Cả ba bị đơn đều 2 lần vắng mặt tại phiên tòa và đều không có lý do.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Trương Thị E; Anh Trịnh Trương G;

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

5. Người kháng cáo: Bà Phạm Thị B; chị Trịnh Thị D; anh Lê Văn C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2021, bản tự khai ngày 04/6/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Trịnh Văn A trình bày:

Ông và bà Phạm Thị B là chỗ quen biết, trước đây hai người có một thời gian làm ăn buôn bán lợn hơi với nhau nên có sự tin tưởng nhau. Bà B có con trai là Lê Văn C và con dâu là Trịnh Thị D. Ba mẹ con bà B cùng nhau làm ăn buôn bán lợn hơi chung với nhau. Vào khoảng đầu tháng 4/2020 bà B có hỏi ông vay tiền để mẹ con bà bắt lợn hơi buôn bán, thời gian vay 01 tháng, lãi suất là 2%/tháng. Trước khi chuyển tiền ông có hỏi anh C là vợ chồng anh có vay cùng bà B không thì anh C nói là có và đưa số tài khoản cho ông chuyển tiền. Ông đồng ý và bảo vợ ông là bà Trương Thị E chuyển tiền cho bà B 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của anh C ngày 10/4/2020 (có chứng từ chuyển tiền). Ngay sau khi chuyển tiền xong bà B và anh C đến nhà viết giấy vay tiền với nội dung "ngày 18/3/2020 âm bà B vay Tuyên Thuận số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)", bà B và con trai C ký nhận vay số tiền trên.

Đến ngày 03/7/2020 âm lịch anh C và chị D sang vay thêm 150.000.000 đồng, vay một tháng lãi suất 2%/tháng.

Đến ngày 7/8/2020 âm lịch bà B sang vay anh thêm 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), vay 1 tháng lãi suất 2%/tháng.

Tổng ba lần bà B, anh C và chị D vay của ông là 1.650.000.000đ (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Đến ngày 18/6/2020 âm lịch chị Trịnh Thị D mang sang trả cho ông được 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Chị D viết giấy nhận nợ lại gia đình ông 800.000.000đ. Sau đó anh C trả thêm được 50.000.000đ của số tiền anh C vay 150.000.000đ.

Số tiền 1.000.000.000đ và số tiền 150.000.000đ bà B, anh C, chị D đã trả lãi đến ngày 15/8/2020. Còn số tiền 500.000.000đ bà B, anh C, chị D chưa trả lãi.

Hiện nay bà B, anh C và chị D còn nợ ông số tiền gốc là 1.400.000.000đ, ông yêu cầu bà B, anh C, chị D trả tiền lãi tính từ tháng 9/2020 cho đến tháng 9/2021 là 10 tháng, lãi suất 1%/tháng số tiền là 140.000.000đ.

Tổng cộng ông yêu cầu bà B, anh C, chị D phải trả cho ông số tiền gốc và tiền lãi còn nợ là: 1.540.000.000đ (Một tỷ năm trăm bốn mươi triệu đồng chẵn) và ông yêu cầu bà B, anh C, chị D tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 01/6/2021 cho đến khi trả hết nợ cho ông theo lãi suất là 1%/tháng.

Tại bản tự khai ngày 04/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Phạm Thị B trình bày:

Bà thừa nhận do trước đây có buôn bán với Ông A, nên bà có vay tiền của Ông A nhiều lần từ 5, 6 năm nay, bà không nhớ cụ thể năm nào. Nhưng bà chỉ nhớ số tiền vay các lần cộng lại là 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng chẵn), trong quá trình vay hai bên thỏa thuận lãi hàng tháng bà trả cho Ông A 2%/tháng có lần tính lãi 3%/tháng. Ban đầu bà vay có trả lãi hàng tháng đầy đủ cho Ông A.

Đến tháng 6/2020 âm lịch do bà bị ốm nên không còn tiền để trả lãi hàng tháng cho Ông A vì lãi quá cao. Vì vậy, khi bà đỡ ốm bà có lên nhà Ông A nói với anh Tuyên tính lãi thấp cho bà là 1%/tháng để bà có điều kiện để trả cho Ông A. Lúc đó Ông A chưa trả lời. Sau khi bà về đến ngày 30/12/2020 âm lịch bà có điện cho Ông A cho con xuống lấy số tiền gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn).

Bà thừa nhận hiện nay bà chỉ còn nợ Ông A số tiền gốc là 1.280.000.000đ (một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng). Do điều kiện gia đình hiện nay khó khăn bà xin Ông A cho bà trả tiền gốc, còn số tiền lãi Ông A yêu cầu bà xin Ông A không tính lãi.

Còn số tiền 150.000.000đ Ông A yêu cầu bà không thừa nhận vay. Số tiền này chị D và anh C vay Ông A lúc nào bà không biết nên bà không có trách nhiệm trả khoản nợ 150.000.000đ này.

Tại bản tự khai ngày 05/8/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Trịnh Thị D trình bày:

Bà Phạm Thị B là mẹ chồng chị. Chị biết bà B có vay tiền của ông Trịnh Văn A số tiền là 1.000.000.000đồng, khi vay có viết giấy vay nợ và trong giấy vay nợ có chữ ký của anh C chồng chị và cũng là con trai bà B. Khi vay Ông A không giao tiền mặt mà chuyển khoản vào tài khoản của anh Lê Văn C. Sau đó bà B có đưa cho chị 200.000.000đ sang trả cho Ông A và chốt lại còn nợ 800.000.000đ. Còn số tiền bà B vay 500.000.000đ vào ngày 07/8/2020 (âm) chị không biết. Chị không biết bà B vay để làm gì, chị không được sử dụng. Khi nhận tiền Ông A bắt anh C ký thì anh C phải ký, còn anh C không vay tiền.

Vợ chồng chị có vay của bà E Ông A số tiền 150.000.000đ vào ngày 3/7/2020 âm lịch. Số tiền trên chị đã trả nhưng chị không nhớ ngày nào, chị chỉ nhớ sau một tháng là trả 100.000.000đ, còn lại tháng sau trả 50.000.000đ. Chị trả cho cháu G con Ông A, khi trả không viết giấy tờ.

Tại bản tự khai ngày 18/8/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Văn C trình bày:

Anh có biết mẹ anh (bà B) có vay tiền của Ông A số tiền 1.000.000.000đ, mẹ anh bảo Ông A chuyển vào tài khoản của anh. Sau đó anh rút tiền đưa cho bà B để trả tiền mua lợn. Một hai ngày sau đó anh đưa bà B lên nhà Ông A viết giấy vay nợ và anh có xác nhận số tiền vay trên, vì mẹ anh không biết đi xe máy và không có số tài khoản. Số tiền vay 500.000.000đ anh không biết là vay trước hay vay sau. Anh chỉ biết mấy tháng sau bà B bảo chuyển số tiền lãi 42.000.000đ vào tài khoản bà E vợ Ông A. Khoảng tháng 6/2020 bà B nằm viện Ông A có đòi tiền bà B bảo anh mang trả Ông A nhưng anh không đi được nên anh bảo vợ anh mang 200.000.000đ lên trả cho Ông A. Còn số tiền vợ anh vay 150.000.000đ của cháu G con anh Tuyên thì vợ anh đã trả. Số tiền anh vay của Ông A 150.000.000đ lãi suất 1500đ/1 triệu/ngày anh đã trả được 50.000.000đ còn 100.000.000đ thì chưa trả. Tiền lãi cũng trả được mấy tháng rồi không có tiền trả nữa.

Tại bản tự khai ngày 18/8/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Thị E trình bày:

Gia đình bà có quan hệ làm ăn với gia đình bà B và tin tưởng nhau qua một thời gian dài. Gia đình bà có cho bà B và vợ chồng anh C vay tiền 4 đợt. Đợt 1 cho bà B và vợ chồng anh C vay 1.000.000.000đ. Đợt 2 anh C vay 150.000.000đ. Đợt 3 gia đình bà B vay 500.000.000đ. Đợt 4 anh C và chị D vay 150.000.000đ. Tổng 4 đợt vay là 1.800.000.000đ. Vợ chồng anh C chị D trả lần 1 là 200.000.000đ, trả lần 2 cho con trai bà nhận 150.000.000đ, lần 3 anh C trả cho bà 50.000.000đ. Tổng số tiền đã trả là 400.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 18/8/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án,anh Trịnh Trương G trình bày:

Anh là con trai của Ông A, bà E. Trong thời gian bố mẹ anh cho vay tiền là gia đình bà B và cô chú C D số tiền bao nhiêu anh không rõ. Anh chỉ nhận được của cô D vợ chú C là 150.000.000đ.

Tại Bản án số 44/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và danh mục mức án phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn A.

Buộc bà Phạm Thị B, anh Lê Văn C và chị Trịnh Thị D phải thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông Trịnh Văn A, bà Trương Thị E số tiền nợ gốc là 800.000.000đ, tiền lãi 106.133.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 906.133.000đ. *(Chín trăm linh sáu triệu, một trăm ba ba nghìn đồng)*

Buộc bà Phạm Thị B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông Trịnh Văn A, bà Trương Thị E số tiền nợ gốc là 500.000.000đ, tiền lãi là 40.666.000đ. Tổng gốc và lãi là 540.666.000đ.

Buộc anh Lê Văn C và chị Trịnh Thị D phải thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông Trịnh Văn A, bà Trương Thị E số tiền nợ gốc 100.000.000đ, tiền lãi là 12.766.000đ. Tổng gốc và lãi là 112.766.000đ. *(Một trăm mười hai triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)*

Bà B phải chịu 38.687.600đ *(ba tám triệu, sáu trăm tám bảy nghìn, sáu trăm đồng)*. Anh C phải chịu 15.880.200đ *(mười lăm triệu, tám trăm tám mươi nghìn, hai trăm đồng)*. Chị D phải chịu 15.880.200đ *(mười lăm triệu, tám trăm tám mươi nghìn, hai trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong ngày 06/10/2021, bị đơn là bà Phạm Thị B, anh C, chị D kháng cáo, cùng nội dung: Không đồng ý buộc cả ba mẹ con phải liên đới có trách nhiệm trả nợ cho Ông A bà E đối với khoản tiền 906.133.000đ, vì đây là khoản tiền vay riêng của bà B nên một mình bà B có trách nhiệm trả.

Ngày 11/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định có Quyết định kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 44/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Định. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử theo trình tự phúc thẩm để sửa án sơ thẩm theo hướng Xác định số nợ 1.000.000.000đ là khoản nợ riêng bà B vay Ông A bà E và xác định lại phần án phí dân sự theo nghĩa vụ phải trả nợ đối với các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và bị đơn người có kháng cáo không có mặt tại phiên tòa; Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa không rút kháng nghị của VKSND huyện Yên Định.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ: Khoản 3 điều 296 BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của ba người bị hại, vì đã triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai mà vẫn không có mặt và không có lý do chính đáng.

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện yên Định, đề nghị HĐXX, xử theo hướng sửa án sơ thẩm chỉ buộc một mình bà B có trách nhiệm trả khoản tiền 906.133.000đ cho Ông A bà E.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng*: Phiên tòa xét xử phúc thẩm vào ngày 16 tháng 12 năm 2021, bà B, anh C, chị D (là người có kháng cáo) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 96/2021/QĐ-PT ngày 08/12/2021, người kháng cáo được nhận nhưng không có mặt và cũng không có lý do nên HĐXX phúc thẩm ra Quyết định hoãn phiên tòa và phiên tòa được mở lại vào ngày 21 tháng 12 năm 2021. Mặc dù, người kháng cáo cũng đã được nhận nhưng không đến phiên tòa và cũng không có lý do. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào khoản 3 điều 296 BLTTDS Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bà B, anh C, chị D, những nội dung của án sơ thẩm có liên quan đến kháng cáo sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[2]. Xét kháng nghị của VKSND huyện Yên Định:

Vào khoảng đầu tháng 4/2020 bà B vay Ông A bà E số tiền 1.000.000.000đ, ngày 10/4/2020 thì Ông A có chuyển tiền vào tài khoản của anh Lê Văn C là con trai bà B. Sau khi chuyển tiền vào tài khoản thì bà B có viết giấy với nội dung "*ngày 18/3/2020 âm, bà B vay Tuyên Thuận số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ đồng chẵn), ký tên bà B - và con trai Lê Văn C ký.*".

Đến ngày 18/6/2020 âm lịch (được tra là ngày 07/7/2020 dương lịch) chị D là vợ anh C mang trả cho Ông A 200.000.000đ, sau đó, chị D viết vào tờ giấy bà B viết, với nội dung "*18/6/2020 ÂL Hà trả 200.000.000 (Hai trăm) Tổng còn nợ lại 800.000.000 (Tám trăm triệu đồng*) *ký tên Trịnh Thị D*".

Từ những căn cứ trong giấy vay tiền do bà B viết đã có chữ ký của anh C, Ông A chuyển tiền vay 1 tỷ đồng vào tài khoản của anh C, khi mang tiền đến trả nợ cho Ông A thì chị D là người trực tiếp trả và viết vào cùng tờ giấy do bà B viết, không thể hiện việc chị D trả nợ thay bà B đồng thời chị D cũng là người chốt và ghi số tiền còn nợ lại. Như vậy, cả ba mẹ con đều thể hiện chung một ý chí vay tiền đối với khoản 1.000.000.000đ, nên buộc cả ba đều phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ như án sơ thẩm tuyên là hoàn toàn có cơ sở. Theo đó, nội dung kháng nghị của đại diện VKSND huyện Yên Định là không có cơ sở chấp nhận;

Khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm mà án sơ thẩm tuyên các đương sự phải chịu: Bà B phải chịu 38.687.600đ; Anh C phải chịu 15.880.200đ; Chị D phải chịu 15.880.200đ. Bà B có nghĩa vụ trả nợ cho Ông A bà E số tiền 540.666.000đ phải chịu án phí là 25.626.000đ và liên đới với anh C chị D trả số tiền 906.133.000đ thì phải chịu chung số tiền án phí 39.180.000đ (mỗi người phải chịu 13.060.000đ). Anh C, chị D có trách nhiệm trả nợ cho Ông A bà E số tiền 112.766.000đ , án phí phải chịu là 5.638.000đ và phải chịu án phí của 906.133.000đ là 26.120.000đ (tổng án phí anh C, chị D phải chịu là 31.760.400đ, mỗi người phải nộp 15.880.200đ). Như vậy, án sơ thẩm buộc bà B phải nộp án phí dân sự là 38.687.000đ; anh C 15.880.200đ, chị D 15.880.200đ là hoàn toàn chính xác. Do đo, không chấp nhận kháng nghị về xác định lại tiền phải chịu án phí dân sự theo nghĩa vụ phải chịu của đương sự.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí DSPT theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 điều 296 BLTTDS;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bà Phạm Thị B, anh Lê Văn C và chị Trịnh Thị D;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và 466 của BLDS; Điểm b Khoản 1 Điều 24, Khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 11/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định; Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 44/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Định.

Xử: Buộc bà Phạm Thị B, anh Lê Văn C và chị Trịnh Thị D phải thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông Trịnh Văn A, bà Trương Thị E số tiền nợ gốc là 800.000.000đ, tiền lãi 106.133.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 906.133.000đ. *(Chín trăm linh sáu triệu, một trăm ba ba nghìn đồng).*

Về án phí: Bà B phải chịu 38.687.600đ *(ba tám triệu, sáu trăm tám bảy nghìn, sáu trăm đồng)*. Anh C phải chịu 15.880.200đ *(mười lăm triệu, tám trăm tám mươi nghìn, hai trăm đồng)*. Chị D phải chịu 15.880.200đ *(mười lăm triệu, tám trăm tám mươi nghìn, hai trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Trịnh Văn A số tạm ứng án phí 29.925.000đ (*Hai mươi chín triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0005461 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí DSPT: bà B, anh C và chị D mỗi người phải chịu 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền đã nộp tại các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003278, ngày 18/10/2021 (đối với anh Lê Văn C); số AA/2021/0003277, ngày 18/10/2021 (đối với bà Phạm Thị B); số AA/2021/0003279 ngày 18/10/2021 (đối với chị Trịnh Thị D) của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sáu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu Hương **Lê Thị Dung** **Lê Thị Thủy**